

# TÁC ĐỘNG YẾU TỐ XÃ HỘI, CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ GIÁ TRỊ CẢM NHẬN ĐẾN Ý ĐỊNH HỌC THẠC SĨ CỦA SINH VIÊN

LÊ THỊ HƯƠNG

Khoa Thương Mại - Du lịch, trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh

Tác giả liên hệ: lethihuong.18@iu.edu.vn

DOIs: <https://www.doi.org/10.46242/jstiuh.v80i2.5893>

**Tóm tắt.** Trong những năm gần đây, việc theo đuổi bằng thạc sĩ đã trở thành một hiện tượng xã hội thu hút nhiều sự quan tâm. Để hiểu rõ lý do mà sinh viên lựa chọn học thạc sĩ, nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích thực nghiệm các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học thạc sĩ. Dựa trên lý thuyết hành vi dự định và lý thuyết giá trị cảm nhận, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát bằng bảng hỏi đối với sinh viên từ nhiều trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh. Tổng cộng, 350 bảng hỏi đã được thu thập, trong đó có 298 bảng hợp lệ. Phương pháp PLS-SEM được sử dụng để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, tất cả đều được chấp nhận: Các yếu tố xã hội ảnh hưởng tích cực đến ý định học thạc sĩ, chất lượng đào tạo và giá trị cảm nhận của sinh viên. Kết quả cho thấy ý định học thạc sĩ bị ảnh hưởng tích cực, bởi các yếu tố xã hội, giá trị cảm nhận và chất lượng đào tạo. Những phát hiện này không chỉ cung cấp cái nhìn sâu sắc về động lực học tập của sinh viên mà còn giúp các cơ sở giáo dục điều chỉnh chương trình và chiến lược marketing để thu hút sinh viên hiệu quả hơn.

**Từ khóa:** *Yếu tố xã hội, Chất lượng đào tạo, Giá trị cảm nhận, Ý định học thạc sĩ.*

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục sau đại học tại Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng về chất lượng, mặc dù số lượng thạc sĩ và tiến sĩ được đào tạo khá lớn. Tuy nhiên, các công trình khoa học mang tính đột phá và ứng dụng thực tiễn vẫn còn hạn chế. Theo số liệu từ Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), quy mô tuyển sinh thạc sĩ và tiến sĩ đã giảm đáng kể trong những năm gần đây, với chỉ 1.274 nghiên cứu sinh tiến sĩ và 41.551 học viên thạc sĩ được tuyển sinh trong năm học 2019-2020, và đến năm 2022, con số này đạt 88.243 học viên thạc sĩ cùng 8.933 nghiên cứu sinh tiến sĩ (Báo Điện tử Chính phủ, 2023). Khi nhìn vào thực tế tại các quốc gia như Trung Quốc và Israel (gần 1 triệu học viên cao học và 200.000 nghiên cứu sinh năm 2020) hay Israel, Việt Nam vẫn còn khoảng cách lớn về cả quy mô và chất lượng đào tạo sau đại học (Báo Điện tử Chính phủ, 2023). Để đối phó với những thách thức này, Bộ GD&ĐT đã xây dựng khung trình độ quốc gia cho các bậc thạc sĩ và tiến sĩ, đảm bảo tính tương thích với tiêu chuẩn ASEAN và Châu Âu, nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết cho người học (Báo Điện tử Chính phủ, 2023). Tuy nhiên, trước thực trạng tuyển sinh giảm sút và yêu cầu nâng cao chất lượng, việc nghiên cứu ý định học thạc sĩ trở nên cấp thiết để hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định học tập, từ đó xây dựng chính sách phù hợp nhằm không chỉ tăng số lượng mà còn nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng ý định học thạc sĩ của sinh viên chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố đa dạng, bao gồm chất lượng đào tạo, yếu tố cá nhân và xã hội. Hiệu suất học tập ở bậc đại học, như điểm trung bình, có tác động tích cực đến quyết định học thạc sĩ (Davis et al., 2012; Liu & Lin, 2021), trong khi sự hài lòng với chất lượng giáo dục cũng đóng vai trò quan trọng, với sinh viên hài lòng có xu hướng tiếp tục học lên cao hơn (Cseh-Papp et al., 2023). Các yếu tố xã hội, như sự mong đợi và động viên từ gia đình, bạn bè, đồng nghiệp, cũng ảnh hưởng tích cực đến ý định này (Guerin et al., 2015), và lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) đã được áp dụng để phân tích mối quan hệ giữa thái độ, chuẩn chủ quan, nhận thức rủi ro và ý định học thạc sĩ, với thu nhập gia đình đóng vai trò điều chỉnh (Zhou et al., 2024). Ngoài ra, tài chính gia đình, mối quan hệ với giáo viên và bạn bè, cùng các yếu tố như chương trình đào tạo, cơ hội nghề nghiệp, danh tiếng của trường, và chi phí học tập hợp lý cũng được ghi nhận là những yếu tố quan trọng (Jung & Lee, 2019; Thomas et al., 2021; Thiện & Ca, 2022; Giang & Thảo, 2019; Lan & Liên, 2024). Tuy nhiên, một số nghiên cứu chỉ ra rằng nhận thức kiểm soát hành vi có thể không tác động đáng kể trong một số bối cảnh cụ thể, như ngành điều dưỡng (Vĩnh et al., 2021).

Mặc dù các nghiên cứu trước đây đã tập trung vào các yếu tố cá nhân và xã hội ảnh hưởng đến ý định học thạc sĩ, vẫn còn tồn tại khoảng trống quan trọng liên quan đến mối quan hệ giữa chất lượng đào tạo, sự hỗ trợ từ xã hội và giá trị cảm nhận của sinh viên – những yếu tố có thể tạo ra tác động mạnh mẽ nhưng chưa được phân tích đầy đủ. Do đó, bài viết “*Tác động của yếu tố xã hội, chất lượng đào tạo và giá trị cảm*

nhận đến ý định học thạc sĩ của sinh viên” hướng đến việc lấp đầy khoảng trống này bằng cách phân tích sâu sắc các yếu tố trên từ góc nhìn của sinh viên. Mục tiêu của nghiên cứu là đưa ra những gợi ý hữu ích cho các cơ sở giáo dục đại học trong việc thiết kế chương trình đào tạo và cung cấp hỗ trợ phù hợp, nhằm tăng cường ý định học thạc sĩ của sinh viên, từ đó góp phần nâng cao chất lượng giáo dục sau đại học tại Việt Nam.

## 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT, GIÁ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

### 2.1. Lý thuyết hành vi có kế hoạch và lý thuyết giá trị cảm nhận

*Lý thuyết hành vi có kế hoạch* (TPB) cho rằng ý định hành vi của một cá nhân được hình thành dựa trên thái độ, chuẩn mực chủ quan và kiểm soát hành vi cảm nhận (Ajzen, 1991). Trong bối cảnh này, các yếu tố xã hội, như sự ủng hộ từ gia đình, bạn bè và môi trường xã hội, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ý định học thạc sĩ. Chất lượng đào tạo cũng ảnh hưởng lớn đến giá trị cảm nhận, khi sinh viên đánh giá lợi ích từ chương trình học dựa trên các yếu tố như cơ hội nghề nghiệp và kiến thức chuyên môn. *Lý thuyết giá trị cảm nhận* của Zeithaml (1988) bổ sung rằng giá trị được sinh viên cảm nhận sẽ quyết định, liệu họ có chọn tiếp tục học hay không, đặc biệt khi họ so sánh giữa lợi ích và chi phí. Do đó, sự kết hợp giữa TPB và lý thuyết giá trị cảm nhận giúp giải thích rõ hơn yếu tố xã hội và chất lượng đào tạo ảnh hưởng đến quyết định theo đuổi chương trình thạc sĩ của sinh viên.

### 2.2. Yếu tố xã hội

Yếu tố xã hội được hiểu là những tác động từ môi trường xung quanh, bao gồm kỳ vọng của gia đình, sự hỗ trợ từ bạn bè, ảnh hưởng của đồng nghiệp, và chuẩn mực xã hội, tác động đến hành vi và quyết định của cá nhân (Zhou & cộng sự, 2024). Trong bối cảnh đào tạo sau đại học, nghiên cứu này tập trung vào hai yếu tố chính là kỳ vọng của gia đình và sự hỗ trợ từ bạn bè như những nhân tố quan trọng định hình ý định học thạc sĩ của sinh viên. Các yếu tố này tạo áp lực và động lực để sinh viên tiếp tục học tập nhằm nâng cao giá trị bản thân (Zhou & cộng sự, 2024). Kết quả nghiên cứu cho thấy, sự hỗ trợ từ gia đình và bạn bè có tác động tích cực và mạnh mẽ đến quyết định học tiếp của sinh viên (Guerin & cộng sự, 2015).

Yếu tố xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc định hình hành vi và quyết định của cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh giáo dục sau đại học. Theo TPB, ý định thực hiện một hành vi cụ thể, như theo đuổi chương trình thạc sĩ, chịu ảnh hưởng từ ba yếu tố chính: thái độ đối với hành vi, chuẩn mực chủ quan (subjective norms), và nhận thức về kiểm soát hành vi (Ajzen, 1991). Trong đó, chuẩn mực chủ quan liên quan trực tiếp đến các yếu tố xã hội như kỳ vọng từ gia đình, sự hỗ trợ từ bạn bè và chuẩn mực văn hóa, tạo áp lực hoặc động lực cho cá nhân. Các nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra rằng yếu tố xã hội có ảnh hưởng lớn đến ý định học thạc sĩ, đặc biệt là chuẩn mực xã hội và sự hỗ trợ từ gia đình. Chẳng hạn, tại tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc, các chuẩn mực chủ quan và yếu tố xã hội tác động đáng kể đến ý định theo đuổi giáo dục cao hơn, đặc biệt ở sinh viên nữ và những người học tại các trường đại học tư thục (Zhou & cộng sự, 2024). Hỗ trợ từ gia đình và đồng nghiệp cũng tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình ra quyết định, đồng thời giảm thiểu rủi ro tâm lý khi theo đuổi chương trình thạc sĩ (Zhang & cộng sự, 2024). Cơ chế tác động của yếu tố xã hội theo TPB có thể được giải thích thông qua việc các chuẩn mực chủ quan định hình nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc học thạc sĩ, từ đó thúc đẩy ý định thực hiện hành vi này. Dựa trên cơ sở lý luận và các bằng chứng thực nghiệm, tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu như sau:

*Giả thuyết nghiên cứu H1a: Các yếu tố xã hội ảnh hưởng tích cực đến ý định học thạc sĩ.*

Yếu tố xã hội không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến ý định mà còn tác động gián tiếp thông qua giá trị cảm nhận của sinh viên về chương trình thạc sĩ. Khái niệm Giá trị Cảm nhận được định nghĩa là sự đánh giá tổng thể của cá nhân về lợi ích nhận được so với chi phí bỏ ra, bao gồm các khía cạnh chức năng, xã hội, cảm xúc và nhận thức (Zeithaml 1988). Trong bối cảnh giáo dục, giá trị cảm nhận của bằng thạc sĩ chịu ảnh hưởng từ các yếu tố xã hội như chuẩn mực văn hóa, kỳ vọng gia đình và sự hỗ trợ từ bạn bè, định hình cách sinh viên nhìn nhận giá trị của chương trình học. Các nghiên cứu thực nghiệm đã khẳng định mối liên hệ này, chẳng hạn, giá trị cảm nhận của bằng thạc sĩ thường bị chi phối bởi bối cảnh văn hóa và xã hội, được thấy qua sự khác biệt trong động lực và đánh giá các chương trình MBA tại các quốc gia khác nhau (Hamid & Noor, 2013). Đặc biệt, trong các chương trình thạc sĩ trực tuyến, yếu tố thời gian và tiện ích nhận thức đóng vai trò quan trọng, chịu tác động từ nhận thức xã hội về quản lý thời gian và tính hiệu quả (Mazandarani & Royo-Vela, 2019). Bên cạnh đó, yếu tố kinh tế xã hội như chi phí cơ hội và sự hy sinh tài

## TÁC ĐỘNG YẾU TỐ XÃ HỘI, CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ GIÁ TRỊ CẢM NHẬN...

chính ảnh hưởng mạnh mẽ đến cách sinh viên đánh giá lợi ích kinh tế từ việc đầu tư vào giáo dục thạc sĩ (Barth & cộng sự, 2016). Thị trường hóa giáo dục đại học càng làm tăng vai trò của giá trị cảm nhận, khi các trường đại học cạnh tranh để đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên (Hamid & Noor, 2013). Ảnh hưởng của yếu tố xã hội đến giá trị cảm nhận có thể được giải thích thông qua việc các chuẩn mực xã hội và sự hỗ trợ từ môi trường xung quanh định hình nhận thức của sinh viên về lợi ích và chi phí của chương trình thạc sĩ, từ đó ảnh hưởng đến cách họ đánh giá giá trị tổng thể của bằng cấp. Dựa trên cơ sở lý luận và các bằng chứng thực nghiệm, tác giả đề xuất giả thuyết nghiên cứu như sau:

*Giả thuyết nghiên cứu H1b: Các yếu tố xã hội có tác động tích cực đến giá trị cảm nhận của sinh viên về chương trình thạc sĩ.*

### 2.3. Chất lượng đào tạo

Là khả năng của chương trình giáo dục đáp ứng nhu cầu của sinh viên, xã hội và thị trường lao động, bao gồm các yếu tố như nội dung chương trình, năng lực giảng viên, cơ sở vật chất và phương pháp giảng dạy (Harvey & Green, 1993). Đây là nền tảng quan trọng trong việc đánh giá và nâng cao hiệu quả của các chương trình giáo dục. Trong bối cảnh giáo dục, chất lượng đào tạo định hình giá trị cảm nhận thông qua việc cung cấp nội dung phù hợp, phương pháp giảng dạy hiệu quả và cơ sở vật chất hỗ trợ, từ đó nâng cao nhận thức của sinh viên về giá trị của bằng thạc sĩ. Các nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra mối liên hệ rõ ràng giữa chất lượng đào tạo và giá trị cảm nhận. Ví dụ, chương trình đào tạo chất lượng cao giúp tăng cường sự hài lòng và giá trị cảm nhận của sinh viên (Anh, 2024). Bên cạnh đó, thiết kế chương trình giảng dạy và quy trình đánh giá công bằng cũng ảnh hưởng tích cực đến chất lượng nhận thức của sinh viên (Arribas & cộng sự, 2022). Tác động của chất lượng đào tạo đến giá trị cảm nhận có thể được giải thích thông qua việc các yếu tố như nội dung chương trình và năng lực giảng viên đáp ứng kỳ vọng của sinh viên, từ đó nâng cao đánh giá tổng thể về lợi ích của chương trình thạc sĩ so với chi phí bỏ ra. Ý định học thạc sĩ của sinh viên phụ thuộc vào việc cân nhắc giữa lợi ích nhận thức (thăng tiến nghề nghiệp, phát triển kỹ năng) và chi phí nhận thức (học phí, thời gian) (Ngo & cộng sự, 2024). Từ cơ sở lý thuyết và kết quả các nghiên cứu, tác giả hình thành giả thuyết sau:

*Giả thuyết nghiên cứu H2a: Chất lượng đào tạo có tác động tích cực đến ý định học thạc sĩ của sinh viên.*

*Giả thuyết nghiên cứu H2b: Chất lượng đào tạo có tác động tích cực đến giá trị cảm nhận của sinh viên về chương trình thạc sĩ.*

Chất lượng đào tạo có ảnh hưởng đáng kể đến yếu tố xã hội bằng cách thúc đẩy sự hòa nhập xã hội, tăng cường tham gia cộng đồng, và giảm căng thẳng. Theo lý thuyết về giá trị cảm nhận thì chất lượng đào tạo không chỉ mang lại lợi ích cá nhân mà còn tạo ra giá trị xã hội thông qua việc cung cấp kỹ năng và kiến thức cần thiết để sinh viên đóng góp tích cực cho cộng đồng, từ đó nâng cao vốn xã hội và sự công bằng. Các chương trình đào tạo chất lượng cao, tập trung vào việc giải quyết vấn đề thực tế, góp phần cải thiện điều kiện sống và thúc đẩy vốn xã hội, qua đó nâng cao sự tiên bộ xã hội và hạnh phúc cá nhân (Espinoza-Guano & Ramos-Guevara, 2022). Đồng thời, liên minh châu Âu nhấn mạnh vai trò quan trọng của giáo dục chất lượng trong việc thúc đẩy sự công bằng và hòa nhập xã hội thông qua việc cung cấp kỹ năng cần thiết cho giới trẻ (Braniste & cộng sự, 2018). Trong lĩnh vực giáo dục y tế, chất lượng đào tạo không chỉ giúp giảm căng thẳng mà còn xây dựng vốn xã hội, tăng cường sự tham gia cộng đồng và sự khoan dung đối với sự đa dạng (Braniste & cộng sự, 2018). Ảnh hưởng của chất lượng đào tạo đến các yếu tố xã hội có thể được giải thích thông qua việc các chương trình chất lượng cao trang bị cho sinh viên kỹ năng và thái độ cần thiết để hòa nhập và đóng góp cho xã hội, từ đó nâng cao giá trị xã hội cảm nhận được từ giáo dục. Do đó, chất lượng đào tạo là một yếu tố then chốt trong phát triển xã hội và nâng cao khả năng đóng góp tích cực của cá nhân cho cộng đồng.

*Giả thuyết nghiên cứu H2c: Chất lượng đào tạo có tác động tích cực đến các yếu tố xã hội.*

### 2.4. Giá trị cảm nhận

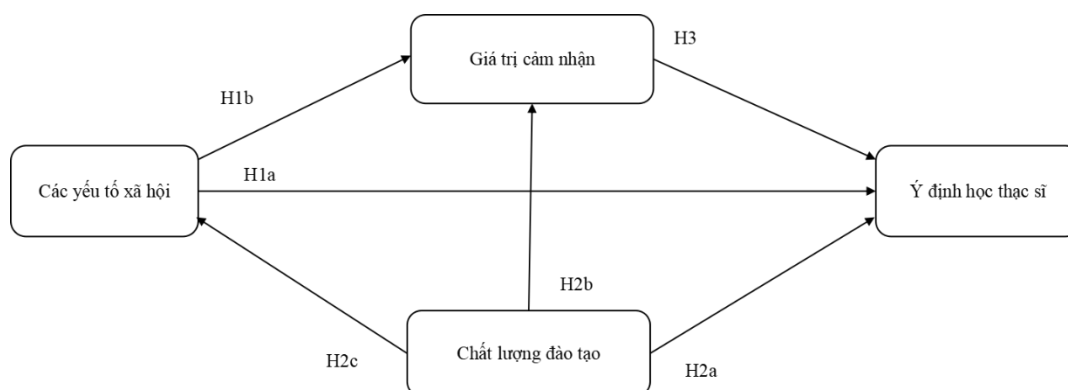
*Giá trị cảm nhận* được định nghĩa là sự đánh giá tổng quát của người tiêu dùng về sự khác biệt giữa lợi ích nhận được và chi phí bỏ ra khi sử dụng một sản phẩm hoặc dịch vụ (Zeithaml, 1988). Khái niệm này đã trở thành nền tảng cho nhiều nghiên cứu trong các lĩnh vực khác nhau. Trong bối cảnh giáo dục, giá trị cảm nhận đóng vai trò quan trọng khi sinh viên cân nhắc giữa lợi ích mà chương trình thạc sĩ mang lại (như cơ hội nghề nghiệp, kiến thức, và phát triển cá nhân) với các chi phí liên quan (bao gồm học phí, thời gian và nỗ lực). Theo lý thuyết hành vi có kế hoạch, giá trị cảm nhận là một biến trung gian, kết nối các yếu tố như thái độ, chuẩn mực chủ quan và kiểm soát hành vi nhận thức với ý định học thạc sĩ (Villagomez &

Chacón, 2020). Những yếu tố như lợi ích nghề nghiệp, chi phí tài chính, và yếu tố xã hội, cảm xúc (Hamid & Noor, 2013), cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến giá trị cảm nhận của sinh viên đối với việc theo đuổi chương trình thạc sĩ (Mazandarani & Royo-Vela, 2019; Ngo & cộng sự, 2024). Hơn nữa, tác động này có sự khác biệt theo nhân khẩu học và văn hóa, đặc biệt với sinh viên nữ và từ vùng nông thôn, những người có xu hướng nhạy cảm hơn với rủi ro (Zhou & cộng sự, 2024). Các trường đại học có thể điều chỉnh chương trình và chiến lược tiếp thị để tối ưu hóa giá trị cảm nhận, từ đó nâng cao ý định đăng ký của sinh viên (Amado & cộng sự, 2023). Từ những phân tích trên, giả thuyết nghiên cứu H3 được đề xuất như sau:  
Giả thuyết nghiên cứu H3: Giá trị cảm nhận tác động tích cực đến ý định theo đuổi học thạc sĩ của sinh viên.

## 2.5. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Mô hình nghiên cứu đề xuất bao gồm ba yếu tố chính: các yếu tố xã hội, chất lượng đào tạo, giá trị cảm nhận, và ý định học thạc sĩ. Dựa trên lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và lý thuyết giá trị cảm nhận, mô hình giải thích cách các yếu tố này ảnh hưởng đến quyết định học thạc sĩ của sinh viên.

Các yếu tố xã hội (hỗ trợ từ gia đình, bạn bè, xã hội) tác động trực tiếp đến giá trị cảm nhận của sinh viên. Khi sinh viên nhận được sự ủng hộ từ môi trường xung quanh, họ cảm thấy việc theo đuổi bằng thạc sĩ là một giá trị đáng đầu tư, phù hợp với kỳ vọng xã hội. Chất lượng đào tạo (nội dung chương trình, năng lực giảng viên, cơ sở vật chất) cũng ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị cảm nhận. Chương trình đào tạo tốt sẽ làm tăng mức độ hài lòng và nhận thức của sinh viên về giá trị mà họ nhận được. Giá trị cảm nhận đóng vai trò trung gian, quyết định mức độ ý định học thạc sĩ của sinh viên. Khi cảm nhận được rằng lợi ích thu được từ việc học thạc sĩ vượt trội hơn chi phí bỏ ra, sinh viên sẽ có ý định học thạc sĩ cao hơn. Mô hình này nhấn mạnh sự quan trọng của việc nâng cao cả chất lượng đào tạo và sự hỗ trợ xã hội để thúc đẩy quyết định học thạc sĩ của sinh viên.



Hình 1: Mô hình lý thuyết nghiên cứu đề xuất

## 3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

*Quy trình nghiên cứu:* Nghiên cứu được thực hiện theo các bước sau: (1) xác định vấn đề nghiên cứu và đặt ra các giả thuyết; (2) Tiến hành nghiên cứu định lượng sơ bộ để đánh giá tính khả thi của bảng hỏi và các biến nghiên cứu. Kết quả kiểm định độ tin cậy thang đo (n=66) cho thấy tất cả các thang đều đạt mức cao với Cronbach's Alpha lần lượt là 0,899 (YTXH - Ý thức xã hội, 5 biến), 0,861 (CLĐT - Chất lượng đào tạo, 5 biến), 0,893 (GTCN - Giá trị cá nhân, 4 biến) và 0,835 (YD - Ý định học thạc sĩ, 4 biến), đều trên 0,8, đảm bảo độ tin cậy tốt (Hair et al., 2016); đồng thời, phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho kết quả KMO = 0,849 (> 0,6), kiểm định Bartlett Sig. = 0,000 (< 0,05), trích được 4 nhân tố với tổng phương sai 72,378%, và các biến phân bổ rõ ràng vào các nhóm nhân tố với hệ số tải lớn hơn 0,5, khẳng định cấu trúc thang đo phù hợp cho nghiên cứu tiếp theo về ý định học thạc sĩ của sinh viên (Hair et al., 2017); (3) Xây dựng công cụ khảo sát và bảng hỏi dựa trên kết quả nghiên cứu sơ bộ; (4) Thu thập dữ liệu từ đối tượng nghiên cứu; (5) phân tích số liệu và kiểm định giả thuyết; (6) Đưa ra kết luận và khuyến nghị. Quy trình này không chỉ giúp người nghiên cứu một cách khoa học mà còn đảm bảo việc phân tích và trình bày kết quả được thực hiện rõ ràng và có hệ thống.

*Cỡ mẫu:* Cỡ mẫu trong nghiên cứu này được xác định là 350 sinh viên từ các trường đại học tại

## TÁC ĐỘNG YẾU TỐ XÃ HỘI, CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ GIÁ TRỊ CẢM NHẬN...

Thành phố Hồ Chí Minh, với 298 phiếu hợp lệ được thu về, đạt tỷ lệ phản hồi là 85,1%. Việc lựa chọn cỡ mẫu này dựa trên các nguyên tắc nghiên cứu định lượng và phù hợp với yêu cầu của phương pháp PLS-SEM. Theo Hair et al. (2019), cỡ mẫu tối thiểu cho PLS-SEM thường được xác định dựa trên quy tắc "10 lần số lượng biến quan sát tối đa trong mô hình", và với mô hình nghiên cứu hiện tại có 18 biến quan sát, cỡ mẫu tối thiểu cần thiết là 180. Tuy nhiên, để tăng cường độ tin cậy và khả năng tổng quát hóa kết quả, nghiên cứu đã chọn cỡ mẫu lớn hơn, ở mức 350, nhằm đảm bảo đủ sức mạnh thống kê cho các phân tích phức tạp và giảm thiểu sai số (Hair et al., 2019).

*Thang đo các khái niệm nghiên cứu:* Nghiên cứu này tham khảo và sử dụng các thang đo từ những công trình nghiên cứu uy tín để đo lường các khái niệm chính, với sự điều chỉnh phù hợp cho bối cảnh giáo dục sau đại học tại Việt Nam. Cụ thể, yếu tố xã hội (YTXH) được đo lường dựa trên thang đo của Guerin et al. (2015) với 5 biến quan sát, phản ánh sự hỗ trợ từ gia đình, bạn bè và môi trường xã hội; chất lượng đào tạo (CLĐT) tham khảo thang đo của Harvey & Green (1993) gồm 5 biến quan sát, tập trung vào nội dung chương trình, năng lực giảng viên và cơ sở vật chất của các chương trình đã được kiểm định chất lượng; giá trị cảm nhận (GTCN) sử dụng thang đo của Zeithaml (1988) với 4 biến quan sát, đánh giá lợi ích và chi phí liên quan đến việc theo đuổi chương trình thạc sĩ; ý định học thạc sĩ (YD) được xây dựng từ nghiên cứu của Ajzen (1991) với 4 biến quan sát, tập trung vào quyết tâm và mong muốn tiếp tục học tập ở bậc thạc sĩ. Các thang đo này đã được kiểm định qua nhiều nghiên cứu thực nghiệm trên thế giới và áp dụng trong các lĩnh vực khác nhau. Bảng khảo sát được thiết kế thành hai phần: phần 1 thu thập thông tin về đối tượng khảo sát, phần 2 bao gồm các câu hỏi liên quan đến các biến nghiên cứu, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý).

*Phương pháp thu thập dữ liệu khảo sát:* Tiêu chí lựa chọn mẫu bao gồm: (1) sinh viên đang học tại các trường đại học ở Thành phố Hồ Chí Minh, (2) thuộc các ngành học đa dạng để đảm bảo tính đại diện, và (3) tự nguyện tham gia khảo sát. Đảm bảo tránh thiên lệch chọn mẫu khi khảo sát qua mạng xã hội: Để giảm thiểu thiên lệch chọn mẫu, nghiên cứu đã áp dụng các biện pháp sau: (1) phân phối bảng hỏi qua nhiều kênh mạng xã hội khác nhau (Facebook, Zalo, email sinh viên) và các nhóm cộng đồng sinh viên đa dạng để tiếp cận nhiều đối tượng; (2) sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên trong các nhóm đối tượng mục tiêu, không ưu tiên bất kỳ nhóm cụ thể nào.

*Phương pháp phân tích số liệu:* Dữ liệu thu thập sẽ được phân tích bằng phần mềm SmartPLS 4.0 để kiểm định các giả thuyết nghiên cứu và đánh giá mối quan hệ giữa các khái niệm.

## 4. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 4.1. Đặc điểm của mẫu khảo sát

Mẫu khảo sát gồm 298 phiếu hợp lệ từ sinh viên năm 3 và 4 tại các trường đại học lớn ở TP.HCM, độ tuổi chủ yếu từ 20 đến 22, là nhóm tuổi thường cân nhắc học tiếp chương trình thạc sĩ sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ giới tính gồm 45% nam và 55% nữ, đảm bảo tính cân bằng. Sinh viên đến từ nhiều ngành học khác nhau như quản trị kinh doanh, kinh tế, công nghệ thông tin, kỹ thuật, và du lịch, tạo sự đa dạng trong ngành nghề. Về học lực, 60% sinh viên có điểm trung bình từ 7,0 đến 8,0 và 25% có điểm trung bình trên 8,0, cho thấy phần lớn sinh viên có năng lực học tập tốt. Mức thu nhập gia đình chủ yếu từ 10 đến 20 triệu đồng/tháng, ảnh hưởng đến khả năng chi trả học phí cho chương trình thạc sĩ. Khoảng 40% sinh viên đã có kinh nghiệm thực tập hoặc làm thêm, giúp họ nhận thức rõ hơn về lợi ích của việc tiếp tục học thạc sĩ.

### 4.2. Kết quả đánh giá mô hình đo lường

Kết quả phân tích dữ liệu cho thấy các thang đo trong mô hình nghiên cứu đã đáp ứng các tiêu chí về độ tin cậy và giá trị hội tụ. Cụ thể, hệ số tải chéo (Cross-loading) của tất cả các biến quan sát đều lớn hơn 0,7, hệ số Cronbach's alpha (CA) đều trên 0,6 và độ tin cậy tổng hợp (Composite Reliability - CR) đều vượt ngưỡng 0,7 (Peterson & Kim, 2013). Bên cạnh đó, giá trị trung bình phương sai trích (Average Variance Extracted - AVE) tối thiểu được chấp nhận là 0,5 (Sarstedt & cộng sự, 2021) và trong phân tích này, tất cả các cấu trúc đều có giá trị AVE lớn hơn 0,5. Điều này cho thấy các thang đo được sử dụng đều có độ tin cậy cao và đảm bảo giá trị hội tụ. Vì vậy, các khái niệm đo lường như yếu tố xã hội, chất lượng đào tạo và giá trị cảm nhận đối với ý định học thạc sĩ đều đạt yêu cầu về độ tin cậy và tính hợp lệ (xem Bảng 1).

Bảng 1: Kết quả đánh giá độ tin cậy và hội tụ

Mã biến	Cross-loading				CA	CR	AVE
	CLĐT	GTCN	YD	YTXH			
CLĐT1	0,801	0,424	0,392	0,333	0,887	0,889	0,698
CLĐT2	0,796	0,422	0,432	0,297			
CLĐT3	0,762	0,392	0,356	0,325			
CLĐT4	0,872	0,509	0,448	0,398			
CLĐT5	0,863	0,492	0,497	0,372			
GTCN1	0,449	0,819	0,431	0,518	0,860	0,865	0,705
GTCN2	0,449	0,873	0,498	0,546			
GTCN3	0,447	0,803	0,493	0,467			
GTCN4	0,497	0,863	0,580	0,558			
YD1	0,431	0,441	0,792	0,428	0,798	0,803	0,623
YD2	0,473	0,510	0,821	0,460			
YD3	0,340	0,430	0,729	0,455			
YD4	0,399	0,507	0,813	0,519			
YTXH1	0,370	0,535	0,503	0,830	0,878	0,886	0,672
YTXH2	0,371	0,541	0,553	0,837			
YTXH3	0,350	0,498	0,450	0,813			
YTXH4	0,335	0,552	0,451	0,834			
YTXH5	0,324	0,452	0,485	0,836			

YTXH (yếu tố xã hội); CLĐT (chất lượng đào tạo); GTCN (giá trị cảm nhận); YD (ý định học thạc sĩ).  
(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025)

Bảng 2: Chỉ số HTMT đo lường giá trị phân biệt của các thang đo

	CLĐT	GTCN	YD	YTXH
CLĐT		-	-	-
GTCN	0,628		-	-
YD	0,618	0,718		-
YTXH	0,476	0,710	0,699	

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025)

Chỉ số tương quan Heterotrait-Monotrait (HTMT) được sử dụng để đánh giá giá trị phân biệt của các thang đo kết quả, và khi chỉ số HTMT giữa các cặp biến thấp hơn 0,85, mô hình đo lường được xem là đạt giá trị phân biệt (Henseler & cộng sự, 2015). Dựa trên kết quả được trình bày trong Bảng 2, các chỉ số HTMT giữa các cặp biến đều thấp hơn ngưỡng 0,85, cho thấy rằng các thang đo kết quả trong mô hình đã đáp ứng yêu cầu về giá trị phân biệt.

### 4.3. Kết quả đánh giá mô hình cấu trúc SEM

*Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu*

PLS-SEM được sử dụng để ước lượng các tham số trong mô hình đo lường và mô hình cấu trúc. Ưu điểm của PLS-SEM là khả năng xử lý các mô hình phức tạp với dữ liệu nhỏ và không yêu cầu dữ liệu phân phối chuẩn (Hair & cộng sự, 2014). Hệ số đường dẫn đại diện cho mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập

## TÁC ĐỘNG YẾU TỐ XÃ HỘI, CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ GIÁ TRỊ CẢM NHẬN...

lên biến phụ thuộc. Đây là chỉ số chính để đánh giá các giả thuyết nghiên cứu trong PLS-SEM (Hair & cộng sự, 2014). Phương pháp bootstrapping được áp dụng để đánh giá tính ý nghĩa thống kê của các hệ số đường dẫn. Bootstrapping tạo ra nhiều mẫu con từ dữ liệu gốc và ước lượng các giá trị t-value và p-value. Nếu t-value lớn

hơn 1.96 với mức ý nghĩa 0,05, hoặc p-value nhỏ hơn 0,05, giả thuyết được xem là có ý nghĩa thống kê (Hair & cộng sự, 2017; Henseler & cộng sự, 2009).

Trong PLS-SEM, một chỉ số độ phù hợp được sử dụng là SRMR (Standardized Root Mean Square Residual) để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình. SRMR = 0,054 (<0,08) thường được xem là đạt yêu cầu về độ phù hợp của mô hình (Henseler & cộng sự, 2015).

Bảng 3: Kết quả kiểm định giả thuyết

Giả thuyết	Mối quan hệ	Total effect ( $\beta$ )	T values	P values	Kết luận
H1a	YTXH $\rightarrow$ YD	0,450	9,701	0,000	Chấp nhận
H1b	YTXH $\rightarrow$ GTCN	0,476	10,388	0,000	Chấp nhận
H2a	CLĐT $\rightarrow$ YD	0,522	8,347	0,000	Chấp nhận
H2b	CLĐT $\rightarrow$ GTCN	0,550	12,084	0,000	Chấp nhận
H2c	CLĐT $\rightarrow$ YTXH	0,423	8,629	0,000	Chấp nhận
H3	GTCN $\rightarrow$ YD	0,268	4,117	0,000	Chấp nhận

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025)

Kết quả kiểm định giả thuyết cho thấy chất lượng đào tạo (CLĐT) có tác động mạnh mẽ và đáng kể đến giá trị cảm nhận (GTCN), ý định học thạc sĩ (YD), và yếu tố xã hội (YTXH), với các hệ số tác động lần lượt là 0,550, 0,522, và 0,423. Đồng thời, GTCN cũng có ảnh hưởng tích cực đến YD ( $\beta = 0,268$ ). Bên cạnh đó, YTXH tác động đáng kể đến cả GTCN ( $\beta = 0,476$ ) và YD ( $\beta = 0,450$ ). Tất cả các giả thuyết đều có ý nghĩa thống kê với giá trị  $P < 0,05$ , khẳng định rằng CLĐT, GTCN, và YTXH đều đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ý định học thạc sĩ của sinh viên.

*Kết quả kiểm định VIF,  $R^2$ ,  $Q^2$  và  $f^2$*

Phân tích dưới đây tập trung vào việc đánh giá các chỉ số thống kê quan trọng như VIF,  $R^2$ ,  $Q^2$  và  $f^2$  nhằm làm rõ mức độ đa cộng tuyến, khả năng giải thích và dự đoán của mô hình, cũng như mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập đến biến phụ thuộc (Bảng 4).

Chỉ số VIF (Variance Inflation Factor) được sử dụng để đánh giá mức độ đa cộng tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình hồi quy. Theo Hair et al. (2017), VIF lớn hơn 5 thường cho thấy có vấn đề nghiêm trọng về đa cộng tuyến, trong khi giá trị dưới 3 được coi là chấp nhận được. Từ bảng dữ liệu, giá trị VIF của YTXH dao động từ 1.000 đến 1.660, của CLĐT từ 1.218 đến 1.455, và của GTCN là 1.953. Những giá trị này đều nằm dưới ngưỡng 3, cho thấy không có vấn đề đáng kể về đa cộng tuyến giữa các biến độc lập trong mô hình. Điều này củng cố độ tin cậy của các kết quả phân tích hồi quy, vì các biến không bị ảnh hưởng quá mức bởi sự tương quan lẫn nhau.

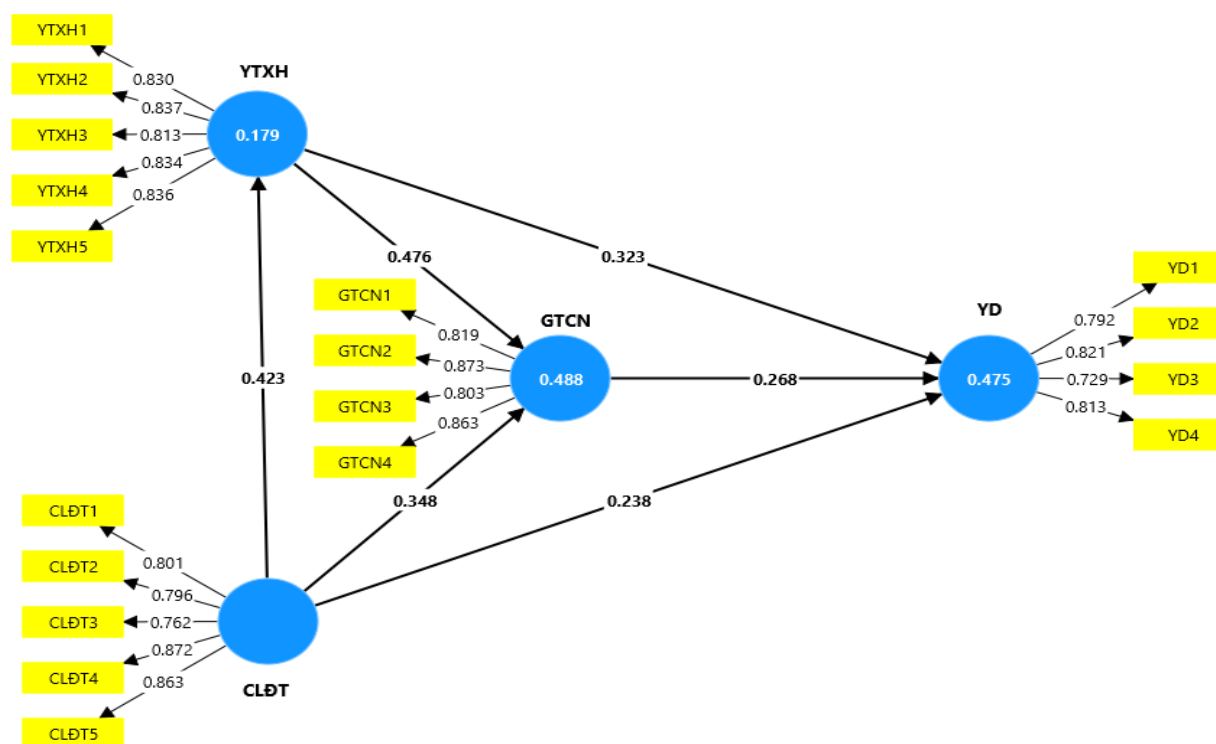
Liên quan đến độ tin cậy của mô hình, các chỉ số  $R^2$  và  $Q^2$  cung cấp cái nhìn sâu hơn về khả năng giải thích và dự đoán của mô hình. Chỉ số  $R^2$  đo lường mức độ biến thiên của biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập, trong khi  $Q^2$  đánh giá khả năng dự đoán của mô hình. Theo Henseler et al. (2009),  $R^2$  từ 0,25 trở lên được coi là chấp nhận được trong các nghiên cứu xã hội, và  $Q^2$  dương cho thấy mô hình có khả năng dự đoán tốt. Dựa trên bảng dữ liệu,  $R^2$  của GTCN đạt 0,488 (48,8% biến thiên được giải thích), của YD là 0,475 (47,5%), và của YTXH là 0,179 (17,9%). Các giá trị  $R^2$  của GTCN và YD đều vượt ngưỡng chấp nhận được, cho thấy mô hình có khả năng giải thích tốt đối với hai biến này, nhưng giá trị  $R^2$  thấp của YTXH gợi ý rằng còn nhiều yếu tố khác ngoài mô hình có thể ảnh hưởng đến biến này. Chỉ số  $Q^2$  và  $Q^2$ predict đều phản ánh khả năng dự đoán của mô hình đối với các biến phụ thuộc, trong đó giá trị dương cho thấy mô hình có khả năng dự đoán tốt (Hair et al., 2017). Kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả giá trị  $Q^2$  đều dương, với GTCN (0,339), YD (0,290), và YTXH (0,119), đồng thời  $Q^2$ predict cũng đạt các giá trị dương cho CLĐT (0,169), GTCN (0,379), và YD (0,339). Điều này khẳng định rằng mô hình có khả năng dự đoán đáng tin cậy đối với các biến phụ thuộc trong nghiên cứu.

Bảng 4: Kết quả kiểm định VIF, R<sup>2</sup>, Q<sup>2</sup> và f<sup>2</sup>

	VIF				R <sup>2</sup>	Q <sup>2</sup>	Q <sup>2</sup> predic <sub>t</sub>	f <sup>2</sup>			
	CLĐT	GTCN	YD	YTXH				CLĐT	GTCN	YD	YTXH
YTXH	1,000	1,218	1,660	-	0,179	0,119	-	-	0,363	0,119	-
CLĐT	-	1,218	1,455	-	-	-	0,169	-	0,195	0,074	0,218
GTCN	-	-	1,953	-	0,488	0,339	0,379	-	-	0,070	-
YD	-	-	-	-	0,475	0,290	0,339	-	-	-	-

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025)

Cuối cùng, bên cạnh việc đánh giá khả năng giải thích và dự đoán, việc phân tích hệ số tác động f<sup>2</sup> giúp làm rõ mức độ ảnh hưởng của từng biến độc lập lên biến phụ thuộc. Theo Cohen (2013), các ngưỡng 0,02, 0,15 và 0,35 lần lượt đại diện cho mức ảnh hưởng nhỏ, trung bình và lớn. Từ bảng dữ liệu, YTXH có tác động lớn nhất đến GTCN với f<sup>2</sup> = 0,363, vượt ngưỡng lớn theo tiêu chuẩn của Cohen. Trong khi đó, CLĐT có ảnh hưởng trung bình đến GTCN (f<sup>2</sup> = 0,195) và YTXH (f<sup>2</sup> = 0,218), và tác động của YTXH đến YD đạt mức nhỏ nhưng đáng kể (f<sup>2</sup> = 0,119). Các giá trị f<sup>2</sup> của GTCN và CLĐT đến YD lần lượt là 0,070 và 0,074, đều ở mức nhỏ, cho thấy vai trò hạn chế của các biến này trong việc giải thích YD.



Hình 2: Mô hình ảnh hưởng yếu tố xã hội, chất lượng đào tạo, giá trị cảm nhận đến ý định học thạc sĩ của sinh viên

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025)

Kết quả kiểm định giả thuyết từ mô hình PLS-SEM (Bảng 3 và Hình 2) cho thấy chất lượng đào tạo (CLĐT) có tác động mạnh mẽ nhất đến giá trị cảm nhận (GTCN) với hệ số β = 0,550 (T = 12,084, P <

## TÁC ĐỘNG YẾU TỐ XÃ HỘI, CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ GIÁ TRỊ CẢM NHẬN...

0,000), khẳng định vai trò quan trọng của CLĐT trong việc định hình nhận thức của sinh viên về giá trị chương trình thạc sĩ. Tác động của CLĐT đến ý định học thạc sĩ (YD) tuy thấp hơn một chút ( $\beta = 0,522$ ,  $T = 8,347$ ,  $P < 0,000$ ), nhưng vẫn ở mức cao và có ý nghĩa thống kê, trong khi tác động đến yếu tố xã hội (YTXH) là thấp nhất ( $\beta = 0,423$ ,  $T = 8,629$ ,  $P < 0,000$ ), cho thấy CLĐT không phải là yếu tố quyết định đối với YTXH. Yếu tố xã hội (YTXH) lại thể hiện tác động gần tương đương đến cả GTCN ( $\beta = 0,476$ ,  $T = 10,388$ ,  $P < 0,000$ ) và YD ( $\beta = 0,450$ ,  $T = 9,701$ ,  $P < 0,000$ ), nhấn mạnh vai trò quan trọng của các yếu tố xã hội trong việc hình thành nhận thức và ý định của sinh viên, trong khi giá trị cảm nhận (GTCN) có tác động thấp hơn đến YD ( $\beta = 0,268$ ,  $T = 4,117$ ,  $P < 0,000$ ) nhưng vẫn đóng vai trò trung gian đáng kể. Tất cả các giả thuyết (H1a, H1b, H2a, H2b, H2c, H3) đều được chấp nhận với  $P < 0,05$ , chứng minh rằng CLĐT, YTXH và GTCN đều có ảnh hưởng tích cực đến ý định học thạc sĩ.

### *Kết quả kiểm tra các mối quan hệ gián tiếp*

Kết quả kiểm tra các mối quan hệ gián tiếp cho thấy tất cả các mối quan hệ đều có ý nghĩa thống kê với  $P < 0,05$  và  $T$  vượt ngưỡng 1,96. Cụ thể, yếu tố xã hội (YTXH) và giá trị cảm nhận (GTCN) đều đóng vai trò trung gian quan trọng trong tác động của chất lượng đào tạo (CLĐT) lên giá trị cảm nhận và ý định học thạc sĩ (YD). Đặc biệt, mối quan hệ gián tiếp từ CLĐT đến YD thông qua YTXH và GTCN có hệ số  $\beta = 0,054$ , cho thấy tác động mạnh mẽ của CLĐT khi qua các yếu tố trung gian này, khẳng định vai trò quan trọng của chúng trong mô hình.

Bảng 5: Kết quả kiểm tra các mối quan hệ gián tiếp

Mối quan hệ	$\beta$	T values	P values
CLĐT → YTXH → GTCN	0,201	6,554	0,000
CLĐT → GTCN → YD	0,093	3,593	0,000
YTXH → GTCN → YD	0,128	3,728	0,000
CLĐT → YTXH → YD	0,136	4,625	0,000
CLĐT → YTXH → GTCN → YD	0,054	3,310	0,001

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu, 2025)

## 5. THẢO LUẬN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 5.1. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu và nghiên cứu của Davis et al. (2012) đều nhấn mạnh vai trò quan trọng của các yếu tố xã hội trong việc thúc đẩy ý định và kỳ vọng học sau đại học, với sự tương đồng rõ rệt về tác động tích cực của các mối quan hệ xã hội như trải nghiệm bạn bè ( $\beta = 0,038$ , trong nghiên cứu Davis et al.) và yếu tố xã hội (YTXH,  $\beta = 0,476$  đến GTCN,  $\beta = 0,450$  đến YD trong nghiên cứu hiện tại). Tuy nhiên, nghiên cứu hiện tại nổi bật với đóng góp trong việc làm sáng tỏ tác động mạnh mẽ của chất lượng đào tạo (CLĐT,  $\beta = 0,550$  đến GTCN,  $\beta = 0,522$  đến YD,  $\beta = 0,423$  đến YTXH), cùng với độ tin cậy cao của mô hình (SRMR = 0,054,  $R^2$  của YD = 0,475), cung cấp một cái nhìn đa chiều và phù hợp với bối cảnh giáo dục Việt Nam, bổ sung khía cạnh hệ thống giáo dục mà nghiên cứu của Davis et al. chưa tập trung sâu.

Kết quả PLS-SEM của nghiên cứu này cho thấy một bức tranh nhất quán và bổ sung quan trọng cho bằng chứng của Zhou et al. (2024): cả hai đều khẳng định vai trò trung tâm của yếu tố xã hội/chuẩn mực chủ quan trong thúc đẩy ý định học thạc sĩ (YD). Cụ thể, YTXH tác động mạnh đến cả GTCN ( $\beta=0,476$ ;  $f^2=0,363$  – mức lớn) và trực tiếp đến YD ( $\beta=0,450$ ;  $f^2=0,119$  – mức nhỏ đến vừa), tương thích với phát hiện của Zhou rằng chuẩn mực chủ quan có ảnh hưởng dương đáng kể và đặc biệt nổi bật trong một số bối cảnh (ví dụ trường tư). Đồng thời, con đường gián tiếp thông qua GTCN trong nghiên cứu này (CLĐT → GTCN → YD, với CLĐT → GTCN  $\beta=0,550$ ; GTCN → YD  $\beta=0,268$ ) mở rộng khung TPB của Zhou bằng cách làm rõ một cơ chế chất lượng-giá trị: chất lượng đào tạo (CLĐT) nâng giá trị cảm nhận, từ đó gia tăng ý định, hàm ý rằng không chỉ chuẩn mực xã hội mà cả trải nghiệm học thuật cụ thể là đòn bẩy chính sách hữu hiệu. Tính phù hợp mô hình tốt (SRMR=0,054), không đa cộng tuyến (VIF<2) và năng lực giải thích đáng kể cho YD ( $R^2=0,475$ ;  $Q^2=0,290$ ) cũng cố độ tin cậy ngoại suy, trong khi  $R^2$  khiêm tốn của YTXH (0,179) gợi ý dư địa cho các biến ngữ cảnh mà Zhou đã nhấn mạnh (giới, năm học,

khu vực, loại trường). Dẫu nghiên cứu của Zhou nêu bật tác động tiêu cực của nhận thức rủi ro lên YD và các dị biệt nhóm, biến này chưa được mô hình hóa trực tiếp trong nghiên cứu hiện tại—một khoảng trống quan trọng cần tích hợp để hoàn thiện bức tranh dự báo. Tóm lại, đóng góp nổi bật của nghiên cứu này là chứng minh “trục chất lượng–giá trị–ý định” vận hành song hành và cộng lực với ảnh hưởng xã hội, qua đó cung cấp cơ sở thực chứng để các trường nâng CLĐT nhằm khuếch đại giá trị cảm nhận và tận dụng động lực xã hội—mở rộng và làm sâu sắc thêm các kết luận của Zhou về vai trò của chuẩn mực và khác biệt bối cảnh.

Kết quả nghiên cứu hiện tại và nghiên cứu của Guerin et al. (2015) đều đóng góp đáng kể vào việc hiểu rõ các yếu tố thúc đẩy ý định học sau đại học, dù tập trung vào các cấp độ khác nhau (thạc sĩ và tiến sĩ) và sử dụng phương pháp phân tích khác nhau (PLS-SEM và EFA). Nghiên cứu hiện tại nhấn mạnh vai trò quan trọng của chất lượng đào tạo (CLĐT) với tác động mạnh mẽ đến giá trị cảm nhận (GTCN,  $\beta=0,550$ ), ý định học thạc sĩ (YD,  $\beta=0,522$ ), và yếu tố xã hội (YTXH,  $\beta=0,423$ ), đồng thời khẳng định ảnh hưởng của YTXH đến GTCN ( $\beta=0,476$ ) và YD ( $\beta=0,450$ ). Đóng góp này mang tính thực tiễn cao trong bối cảnh Việt Nam, cung cấp cơ sở cho các chính sách cải thiện giáo dục sau đại học. Trong khi đó, nghiên cứu của Guerin et al. (2015) xác định năm nhân tố động lực (Gia đình và Bạn bè, Động lực Nội tại, Ảnh hưởng của Giảng viên, Trải nghiệm Nghiên cứu, Thăng tiến Sự nghiệp), với mối quan hệ mạnh nhất giữa Ảnh hưởng của Giảng viên và Trải nghiệm Nghiên cứu (tương quan=0,43), đóng góp vào việc hiểu rõ các động lực đa chiều thúc đẩy sinh viên theo đuổi HDR tại Úc, đặc biệt qua lăng kính định lượng với mẫu lớn (>400). Kết quả cả 2 đều nhấn mạnh vai trò của yếu tố xã hội (YTXH trong nghiên cứu hiện tại và Gia đình & Bạn bè trong Guerin et al.), nhưng nghiên cứu hiện tại nổi bật với việc tích hợp chất lượng đào tạo như một yếu tố cốt lõi, trong khi Guerin et al. cung cấp cái nhìn sâu sắc về trải nghiệm nghiên cứu và ảnh hưởng cá nhân từ giảng viên, mở ra hướng đi cho các nghiên cứu tương lai về động lực học tập ở các cấp độ khác nhau.

## 5.2. Đề xuất các hàm ý quản trị

Dựa trên các kết quả trên, các hàm ý quản trị dưới đây giúp các cơ sở giáo dục cải thiện chiến lược thu hút sinh viên thạc sĩ:

*Tăng cường sự hỗ trợ xã hội (YTXH tác động đến GTCN và YD – H1a, H1b):* Kết quả nghiên cứu cho thấy YTXH có tác động mạnh đến cả GTCN ( $\beta=0,476$ ,  $f^2=0,363$  – mức lớn) và YD ( $\beta=0,450$ ,  $f^2=0,119$  – mức nhỏ đến vừa), nhấn mạnh vai trò của các mối quan hệ xã hội và chuẩn mực xã hội trong việc hình thành ý định học tập. Do đó, để thúc đẩy ý định học thạc sĩ của sinh viên, các trường đại học cần xây dựng một môi trường học tập hỗ trợ, tập trung vào việc tăng cường sự hỗ trợ từ gia đình và bạn bè – hai yếu tố xã hội chính được xác định trong nghiên cứu này. Cụ thể, các trường có thể: (i) Tổ chức các chương trình hội thảo hướng nghiệp hoặc các buổi chia sẻ kinh nghiệm với sự tham gia của gia đình và cựu sinh viên thạc sĩ để tạo động lực và sự gắn kết. (ii) Khuyến khích các hoạt động ngoại khóa và câu lạc bộ nhằm thúc đẩy sự tương tác giữa sinh viên và bạn bè, từ đó xây dựng mạng lưới hỗ trợ xã hội mạnh mẽ hơn. Việc tăng cường các yếu tố xã hội này không chỉ giúp sinh viên cảm nhận được sự động viên mà còn góp phần nâng cao giá trị cảm nhận và ý định học lên cao, phù hợp với mục tiêu nghiên cứu về tác động của yếu tố xã hội đến ý định học thạc sĩ.

*Nâng cao chất lượng đào tạo (CLĐT) dựa trên tác động mạnh mẽ đến giá trị cảm nhận (GTCN) và ý định học thạc sĩ (YD) – H2a, H2b:* Các trường đại học cần ưu tiên cải thiện chất lượng đào tạo, vì kết quả nghiên cứu chỉ ra CLĐT có tác động lớn nhất đến GTCN ( $\beta=0,550$ ,  $f^2=0,195$  – mức trung bình) và YD ( $\beta=0,522$ ,  $f^2=0,074$  – mức nhỏ nhưng đáng kể). Cụ thể, các trường nên đầu tư vào việc nâng cao năng lực giảng viên, cập nhật chương trình học phù hợp với xu hướng thị trường lao động, và cải thiện cơ sở vật chất hỗ trợ học tập. Những cải tiến này không chỉ tăng cường nhận thức về giá trị chương trình thạc sĩ mà còn trực tiếp thúc đẩy ý định học thạc sĩ của sinh viên, như được chứng minh qua năng lực giải thích cao của mô hình ( $R^2$  của YD=0,475).

*Tăng cường yếu tố xã hội (YTXH) như một động lực quan trọng đến ý định học thạc sĩ (YD) – H1a, H1b:* Kết quả nghiên cứu cho thấy YTXH có tác động mạnh đến cả GTCN ( $\beta=0,476$ ,  $f^2=0,363$  – mức lớn) và YD ( $\beta=0,450$ ,  $f^2=0,119$  – mức nhỏ đến vừa), nhấn mạnh vai trò của các mối quan hệ xã hội và chuẩn mực xã hội trong việc hình thành ý định học tập. Do đó, các trường đại học cần tạo môi trường thuận lợi cho sự kết nối xã hội thông qua các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ học thuật, và các sự kiện giao lưu giữa sinh viên, cựu sinh viên, và cộng đồng doanh nghiệp. Đồng thời, các chiến dịch truyền thông nên nhấn mạnh sự ủng hộ từ gia đình, bạn bè, và xã hội đối với việc học thạc sĩ, từ đó tận dụng tác động xã hội để

## TÁC ĐỘNG YẾU TỐ XÃ HỘI, CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO VÀ GIÁ TRỊ CẢM NHẬN...

gia tăng ý định tham gia chương trình.

*Tối ưu hóa giá trị cảm nhận (GTCN) như một cầu nối giữa chất lượng đào tạo và ý định học thạc sĩ – H3:* GTCN đóng vai trò trung gian quan trọng trong việc thúc đẩy YD ( $\beta=0,268$ ,  $f^2=0,070$  – mức nhỏ), đặc biệt thông qua mối quan hệ gián tiếp từ CLĐT đến YD ( $\beta$  gián tiếp= $0,093$ ). Các trường cần tập trung truyền thông về lợi ích cụ thể của chương trình thạc sĩ, như cơ hội nghề nghiệp, phát triển kỹ năng lãnh đạo, và tăng trưởng thu nhập, để sinh viên cảm nhận rõ sự cân bằng giữa chi phí (học phí, thời gian) và giá trị lâu dài. Ngoài ra, việc tổ chức các buổi chia sẻ từ cựu sinh viên thành công hoặc các hội thảo nghề nghiệp có thể củng cố giá trị cảm nhận, từ đó thúc đẩy ý định học thạc sĩ, như được chứng minh qua con đường gián tiếp CLĐT → GTCN → YD trong nghiên cứu.

## 6. KẾT LUẬN

Bài viết đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về tác động của chất lượng đào tạo (CLĐT), yếu tố xã hội (YTXH) và giá trị cảm nhận (GTCN) đến ý định học thạc sĩ của sinh viên. Từ kết quả nghiên cứu, có thể rút ra kết luận việc nâng cao chất lượng đào tạo và sự hỗ trợ từ môi trường xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy ý định học thạc sĩ, đặc biệt khi giá trị cảm nhận đóng vai trò trung gian. Nghiên cứu cũng mở rộng và áp dụng lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và lý thuyết giá trị cảm nhận trong bối cảnh giáo dục thạc sĩ, làm rõ cách thức các yếu tố này tương tác để ảnh hưởng đến quyết định học tập của sinh viên.

*Về thực tiễn:* (i) Chất lượng đào tạo là yếu tố quyết định đối với ý định học thạc sĩ của sinh viên. Các trường đại học cần tập trung cải thiện chương trình giảng dạy, năng lực giảng viên và cơ sở vật chất để gia tăng trải nghiệm học tập của sinh viên. Đặc biệt, chất lượng đào tạo không chỉ ảnh hưởng đến ý định học tập mà còn tác động đến giá trị mà sinh viên cảm nhận về chương trình thạc sĩ. (ii) Yếu tố xã hội có tác động đáng kể đến ý định học thạc sĩ. Môi trường xã hội, gia đình, bạn bè và các đồng nghiệp đều ảnh hưởng đến quyết định học tập của sinh viên. Vì vậy, các trường đại học cần tạo ra môi trường học tập hỗ trợ sinh viên không chỉ về mặt học thuật mà còn về mặt xã hội. (iii) Giá trị cảm nhận đóng vai trò trung gian quan trọng, cho thấy sinh viên sẽ quyết định học thạc sĩ nếu họ cảm thấy giá trị thu được từ chương trình vượt trội hơn so với chi phí bỏ ra. Do đó, các cơ sở giáo dục cần tối ưu hóa giá trị cảm nhận bằng cách truyền thông rõ ràng về lợi ích và cơ hội mà chương trình thạc sĩ mang lại.

*Về lý thuyết:* (i) Nghiên cứu này xác nhận rằng chất lượng đào tạo không chỉ có tác động trực tiếp đến ý định học thạc sĩ mà còn ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận và yếu tố xã hội của sinh viên, điều mà các nghiên cứu trước chưa nhấn mạnh đầy đủ. Việc kết hợp giữa lý thuyết TPB và lý thuyết giá trị cảm nhận giúp mở rộng góc nhìn về việc quyết định học thạc sĩ. (ii) Yếu tố xã hội không chỉ tác động trực tiếp đến ý định học thạc sĩ mà còn ảnh hưởng đến giá trị cảm nhận của sinh viên về chương trình học. Điều này cho thấy rằng áp lực xã hội, kỳ vọng từ gia đình và bạn bè có vai trò quan trọng trong việc quyết định của sinh viên. (iii) Giá trị cảm nhận được khẳng định là yếu tố trung gian quan trọng kết nối giữa chất lượng đào tạo và ý định học thạc sĩ.

*Hạn chế và gợi ý hướng nghiên cứu tiếp theo:* Nghiên cứu này đã cung cấp cái nhìn sâu sắc về tác động của yếu tố xã hội, chất lượng đào tạo và giá trị cảm nhận đến ý định học thạc sĩ của sinh viên. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn một số điểm cần cải thiện. Đầu tiên, phạm vi khảo sát chỉ tập trung tại các trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh, dẫn đến khả năng các kết quả có thể chưa đại diện đầy đủ cho sinh viên tại các khu vực khác, nơi có điều kiện và môi trường giáo dục khác nhau. Thứ hai, nghiên cứu chưa xem xét kỹ lưỡng các yếu tố văn hóa, đặc điểm nhân khẩu học và sự khác biệt giữa các ngành học, vốn có thể ảnh hưởng đáng kể đến ý định học thạc sĩ của sinh viên. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn hạn chế khi chưa tích hợp yếu tố PBC từ TPB hay sử dụng các mô hình hiện đại như VAM/UTAUT. Các nghiên cứu tương lai nên xem xét bổ sung để tăng tính cập nhật và khả năng giải thích, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ và giá trị ngày càng quan trọng. Để hoàn thiện và mở rộng các kết quả này, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát, bao gồm nhiều khu vực để có cái nhìn toàn diện hơn. Đồng thời, việc phân tích bằng việc sử dụng các mô hình hiện đại như VAM/UTAUT kết hợp thêm các yếu tố như thu nhập gia đình, yếu tố văn hóa, triển vọng nghề nghiệp và tác động của công nghệ trong giáo dục sẽ giúp cung cấp bức tranh đầy đủ hơn về những yếu tố quyết định đến ý định học thạc sĩ của sinh viên trong bối cảnh giáo dục hiện đại.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179-211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
- [2] Amado, M., Guzmán, A., & Juárez Acosta, F. (2023). Relationship between perceived value, student experience, and university reputation. *Humanities and Social Sciences Communications*, 10(1), 1-13. <https://doi.org/10.1057/s41599-023-02272-y>.
- [3] Anh, P. T. (2024). The impact of training service quality on postgraduate student satisfaction: A case study of a public university from Vietnam. *Revista de Gestão Social e Ambiental*, 18(9), 1-13. <https://doi.org/10.24857/rgsa.v18n9-097>
- [4] Arribas, A. P., Alcón, A. I. M., & Nafría, M. B. L. (2022). Dimensiones latentes del proceso formativo del profesorado de Educación Secundaria: Percepciones del alumnado. *Revista Electrónica Interuniversitaria de Formación del Profesorado*, 25(3), 221-237.
- [5] Báo Điện tử Chính phủ (2023, 16 tháng 3). *Chất lượng đào tạo sau đại học không đồng đều trong toàn hệ thống*. Báo Điện tử của Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Truy cập từ <https://baohinhphu.vn/chat-luong-dao-tao-sau-dai-hoc-khong-dong-deu-trong-toan-he-thong-102230316093228478.htm>
- [6] Barth, T. G., Ensslin, S. R., & Borgert, A. (2016). Os benefícios pessoais da pós-graduação stricto sensu: Uma análise na percepção de mestres em contabilidade. *Revista de Educação e Pesquisa em Contabilidade (REPeC)*, 10(1), 49-68. <https://doi.org/10.17524/repec.v10i1.1326>
- [7] Braniste, G., Calugher, V., & Lungu, E. (2018). The quality of education and training in the context of knowledge-based society. In S. (Ed.), *New Approaches in Social and Humanistic Sciences*, 103-110.
- [8] Cohen, J. (2013). *Statistical power analysis for the behavioral sciences* (2nd ed.). Routledge.
- [9] Cseh-Papp, I., Varga, E., & Juhász, T. (2023). Examining the attitudes towards further education of students in the bachelor training programmes of higher education. *International Journal of Educational Management*, 37(6/7), 1125-1141. <https://doi.org/10.1108/IJEM-07-2022-0246>
- [10] Davis, S. D., Amelink, C., Hirt, J. B., & Miyazaki, Y. (2012). Women's educational opportunities: Factors that influence their graduate school aspirations. *NASPA Journal about Women in Higher Education*, 5(2), 141-165. <https://doi.org/10.1515/njawhe-2012-1111>
- [11] Espinoza-Guano, M., & Ramos-Guevara, J. (2022). Evaluation of training projects based on socio-training: The case of the Quality Control project. In *2022 IEEE 2nd International Conference on Advanced Learning Technologies on Education & Research (ICALTER)* (pp. 1-4) .
- [12] Giang, P. X., & Thảo, N. T. P. (2019). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học cao học của sinh viên ngành kinh tế tại trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. *Journal of Science and Technology-IUH*, 41(05), 112-120.
- [13] Guerin, C., Jayatilaka, A., & Ranasinghe, D. (2015). Why start a higher degree by research? An exploratory factor analysis of motivations to undertake doctoral studies. *Higher Education Research & Development*, 34(1), 89-104. <https://doi.org/10.1080/07294360.2014.934663>
- [14] Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2014). *A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)* (2nd ed.). Sage.
- [15] Hair, J. F., Sarstedt, M., Ringle, C. M., & Gudergan, S. P. (2017). *Advanced issues in partial least squares structural equation modeling*. Sage.
- [16] Hair, J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2019). *A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)* (2nd ed.). Sage Publications.
- [17] Hamid, M. N. A., & Noor, M. (2013). How the value of higher education is perceived by students and alumni: The case of the Masters of Business Administration (MBA) University of Leeds. *International Review of Management and Marketing*, 10(4), 140-150.
- [18] Harvey, L., & Green, D. (1993). Defining quality. *Assessment & Evaluation in Higher Education*, 18(1), 9-34. <https://doi.org/10.1080/0260293930180102>
- [19] Henseler, J., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2015). A new criterion for assessing discriminant validity in variance-based structural equation modeling. *Journal of the Academy of Marketing Science*, 43(1), 115-135.

- [20] Henseler, J., Ringle, C. M., & Sinkovics, R. R. (2009). The use of partial least squares path modeling in international marketing. In *New Challenges to International Marketing* 5, 277-319. Emerald Group Publishing Limited.
- [21] Jung, J., & Lee, S. J. (2019). Exploring the factors of pursuing a master's degree in South Korea. *Higher Education*, 78(5), 855-870. <https://doi.org/10.1007/s10734-019-00374-8>
- [22] Kline, R. B. (2023). *Principles and practice of structural equation modeling* (4th ed.). Guilford Press.
- [23] Lan, Đ. T., & Liên, C. S. (2024). Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định học thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh của sinh viên trường Đại học Nguyễn Tất Thành. *Journal of Science and Technology*, 7(2), 78-88.
- [24] Liu, H., & Lin, Y.-Q. (2021). Factors influencing pharmaceutical engineering undergraduates to pursue graduate studies. *International Journal of Engineering Education*, 37(2), 351-361.
- [25] Mazandarani, M. R., & Royo-Vela, M. (2019). La importancia de la percepción del valor del tiempo para matricularse en los másteres online: Una ampliación del modelo de aceptación de tecnología. *Esic Market*, 50(164), 495-514. <https://doi.org/10.7200/esicm.164.0503.1>
- [26] Ngo, V. Q., Oanh, T. T. K., Hoa, T. T. T., Nguyen, T. T. T., Phuong, N. T. T., & Sam, N. T. (2024). Intention to pursue a master degree of final year students: Empirical research from Hanoi university of industry. *World Journal of Advanced Research and Reviews*, 22(2), 190-202.
- [27] Peterson, R. A., & Kim, Y. (2013). On the relationship between coefficient alpha and composite reliability. *Journal of Applied Psychology*, 98(1), 194-198.
- [28] Sarstedt, M., Ringle, C. M., & Hair, J. F. (2021). Partial least squares structural equation modeling. In *Handbook of market research* (pp. 587-632). Cham: Springer International Publishing.
- [29] Thiện, N. H. P., & Ca, L. T. N. (2022). Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định học trình độ thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Tây Đô. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và phát triển kinh tế trường Đại học Tây Đô*, 16(1), 74-85.
- [30] Thomas, S. D., Ali, A., Alcover, K., Augustin, D., & Wilson, N. (2021). Social and professional impact of learning communities within the alliances for graduate education and the professoriate program at Michigan State University. *Frontiers in Psychology*, 12, 1-11. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2021.734414>
- [31] To, W., Lai, L. S., Lung, J. W., & Lai, T. (2014). Intent to pursue further studies among Chinese students. Vi, H. T., & Nhân, P. T. (2018). Các nhân tố tác động đến ý định thực hiện hành vi theo học cao học của sinh viên trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Đà Lạt*, 8(1S), 20-33.
- [32] Villagomez, Y. S. B., & Chacón, S. J. C. (2020). Perceived value as a mediating variable in the theory of planned behavior: Application to the intention of completing a master of business administration. *International Review of Management and Marketing*, 10(4), 140-150.
- [33] Vĩnh, N. Q., Nhất, P. B., Son, N. Đ., & Hà, N. T. (2021). Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định học thạc sĩ của cử nhân điều dưỡng trên địa bàn tỉnh Hải Dương và các tỉnh phụ cận. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 505(1), 100-108.
- [34] Vural, O. F., & Başaran, M. (2021). The reasons for teachers' preference for Master's degree: Teachers' preference for Master's degree. *International Journal of Curriculum and Instruction*, 13(1), 589-613.
- [35] Zeithaml, V. A. (1988). Consumer perceptions of price, quality, and value: A means-end model and synthesis of evidence. *Journal of Marketing*, 52(3), 2-22. <https://doi.org/10.1177/0022242988052003>
- [36] Zhang, B., Yin, X., & Ren, Z. (2024). Can perceived social support influence academic achievement of master's students? Evidence from a University in China. *Education and Information Technologies*, 1-27. <https://doi.org/10.1007/s10639-024-12693-0>
- [37] Zhou, Y., Liu, Y., Xue, W., Li, X., Yang, Z., & Xu, Z. (2024). Factors that influence the intent to pursue a master's degree: Evidence from Shandong Province, China. *Frontiers in Psychology*, 15, 1284277. <https://doi.org/10.3389/fpsyg.2024.1284277>

**RESEARCH ON THE IMPACT OF SOCIAL FACTORS, QUALITY OF EDUCATION,  
AND PERCEIVED VALUE ON STUDENTS' INTENTION TO PURSUE  
A MASTER'S DEGREE**

LE THI HUONG

*Faculty of Commerce and Tourism, Industrial University of Ho Chi Minh City*

*Corresponding author: lethihuong.18@iuh.edu.vn*

**Abstract.** In recent years, pursuing a master's degree has become a social phenomenon attracting significant attention. To better understand the reasons why students choose to pursue a master's degree, this study was conducted to empirically analyze the factors influencing the intention to pursue postgraduate studies. Based on the Theory of Planned Behavior (TPB) and Perceived Value Theory, the research conducted a survey using questionnaires with students from various universities in Ho Chi Minh City. A total of 350 questionnaires were collected, with 298 valid responses. The PLS-SEM method was applied to test the research hypotheses, all of which were accepted: Social factors positively influence students' intention to pursue a master's degree, as well as perceived value and the quality of education. The results indicate that the intention to pursue a master's degree is positively impacted by social factors, perceived value, and the quality of education. These findings provide valuable insights into students' learning motivations and assist educational institutions in adjusting their programs and marketing strategies to more effectively attract prospective master's students.

**Keywords:** *social factors, quality of education, perceived value, intention to pursue a master's degree.*

*Ngày nhận bài: 14/5/2025*

*Ngày chấp nhận đăng: 01/12/2025*